

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Ông Mai Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1995

Số CCCD: 044195000554

Nơi cư trú: thôn Trường G, xã An N, huyện Quảng N, tỉnh Quảng Bình (nay xã Ninh C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1991

Số CCCD: 044091001014

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: thôn Trường G, xã An N, huyện Quảng N, tỉnh Quảng Bình (nay xã Ninh C, tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: Daejeon, Seo-Gu-o-dong, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đã kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia N, huyện Quảng N, tỉnh Quảng Bình (nay xã Ninh C, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 22/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến năm 2018, anh H xuất khẩu lao

động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc bình thường, giữa tháng 6/2019 anh H có về Việt Nam thăm chị khoảng được 02 tháng thì sang lại Hàn Quốc làm việc. Sau khi sang lại Hàn Quốc, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Lê Hoài N, sinh ngày 09/8/2014. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa tôn tạo được tài sản chung gì, không có nợ chung, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bàn trình bày ý kiến ngày 09/5/2025 của ông Lê Quang T là bố ruột của bị đơn anh Lê Văn H: Ông xác nhận địa chỉ của anh H tại Hàn Quốc được chị Trần Thị G cung cấp cho Tòa án là chính xác. Về việc chị G làm đơn xin ly hôn con trai ông (Lê Văn H), ông không có ý kiến gì, ông cũng đã liên lạc và thông báo cho anh H biết việc chị G làm đơn ly hôn và anh H không có ý kiến gì, đồng ý với yêu cầu của chị G tại đơn khởi kiện nhưng vì điều kiện ở xa cháu H không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa được kính đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Hoài N, sinh ngày 09/8/2014, hiện tại cháu Hoài N đang sống với mẹ, ông không có ý kiến gì, tùy vào sự thỏa thuận của các con. Về tài sản chung vợ chồng, ông không có ý kiến, tùy vợ chồng tự thỏa thuận. Ông cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến cho anh H biết.

Nguyên đơn chị Trần Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa. Chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn anh Lê Văn H hiện đang làm việc và cư trú tại Daejeon, Seo-Gu-o-dong, Korea (Hàn Quốc). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Lê Văn H, tuy nhiên cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh H. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh H tiếp tục không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn – chị G vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; phía bị đơn anh Lê Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị G được ly hôn anh Lê Văn H; Giao con chung là Lê Hoài N cho chị G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị G; về tài sản chung của vợ chồng do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc các đương sự chịu án phí và lệ phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo Công văn số 1376/CV-QLXNC, ngày 23/5/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Quảng Bình (nay tỉnh Quảng Trị) thì anh Lê Văn H đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 15/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị G cung cấp địa chỉ của anh H hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tiến hành phương thức tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Lê Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của chị G, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với anh H tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn và thông báo cho anh H biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị G và anh trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh H. Phía nguyên đơn - chị Trần Thị G cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 và các điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn H và chị Trần Thị G. Vụ án do thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đương sự có đơn đề nghị giải quyết sớm nên Tòa án ra Thông báo thay đổi thời gian xét xử để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Lê Văn H là hợp pháp. Sau khi vợ chồng kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh H đi làm ăn ở nước ngoài

thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị G và anh H không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa chị Trần Thị G và anh Lê Văn H có 01 con chung tên là Lê Hoài N, sinh ngày 09/8/2014. Nguyên vọng của chị G là sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi con. Nguyên vọng này cũng phù hợp với bản trình bày nguyện vọng của cháu Lê Hoài N. Xét thấy, hiện tại anh H đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cháu Lê Hoài N cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con một mình. Vì vậy, không buộc anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị G trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí, lệ phí tố tụng đặt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Chị Trần Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tố tụng đặt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị G và anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 228; Điều 238; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị G được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Hoài N, sinh ngày 09/8/2014 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không buộc anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị G do chị G không có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng

của con chưa thành niên, anh Lê Văn H và chị Trần Thị G đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

- Chị Trần Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005390 ngày 28/4/2025. Chị G đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chị Trần Thị G phải chịu 4.348.000 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam. Số tiền này chị G đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, chị Trần Thị G có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa